

Số: 209/QĐ - ĐHVH

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên
Học kỳ 2 (năm học 2022 - 2023)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHCN VIỆT - HUNG

Căn cứ Quyết định số 4993/QĐ-BCT ngày 03 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 502/QĐ-ĐHVH ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung về việc ban hành quy định xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên đào tạo trình độ đại học chính quy ;

Căn cứ kết quả học tập học kỳ 2 năm học 2022 - 2023;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét kết quả rèn luyện, thi đua khen thưởng và kỷ luật, xét cấp học bổng KKHT sinh viên ngày 19/5/2023;

Theo đề nghị của Ông trưởng phòng Thanh tra giáo dục và CTHSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng cho **210** sinh viên học kỳ 2 (năm học 2022 - 2023)

Tổng số tiền học bổng là: 1,042,205,050đ

Bằng chữ: Một tỷ không trăm bốn mươi hai triệu hai trăm linh năm nghìn không trăm năm mươi đồng chẵn
(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các ông/bà trưởng các khoa đào tạo, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách căn cứ Quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng;
- Như điều 2;
- Lưu: VT, TTGD&CTHSSV.


HIỆU TRƯỞNG

* Nguyễn Đức Trí



**BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 2- NĂM HỌC (2022 - 2023)**

(Đính kèm theo Quyết định 209/QĐ-ĐHVH ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Việt-Hung về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 2 năm học 2022-2023)

DVT: VND

TT	KHOA	LỚP	SLHB	TIỀN	SLHB	TIỀN	SLHB	TIỀN	TỔNG TIỀN	GHI CHÚ
			Xuất Sắc		Giỏi		Khá			
1	Cơ Khí -XD	Lớp K4418-CTM1	3	14,955,600					14,955,600	
2		Lớp K4318-CTM1	2	10,687,600					10,687,600	
3		Lớp K4318-CTM2	2	10,687,600					10,687,600	
4		Lớp K4528-CTM1					1	4,704,000	4,704,000	
5		Lớp K4518-CTM1					1	4,704,000	4,704,000	
TỔNG			7	36,330,800			2	9,408,000	45,738,800	
1	KT HỌC	Lớp K4618-KT1	3	16,592,400	0		0		16,592,400	
2		Lớp K4628-KT 1	2	9,323,600	0		0		9,323,600	
3		Lớp K4518-KT 1	3	11,980,500	0		0		11,980,500	
4		Lớp K4418-KT02	1	2,842,400	0		0		2,842,400	
TỔNG			9	40,738,900	0	0	0	0	40,738,900	
1	QT-NH	Lớp K4599-QTKD2	1	4,303,200	0	0	0	0	4,303,200	
2		Lớp K4518-QTKD1	1	5,210,700	0	0	0	0	5,210,700	
3		Lớp K4428-QTKD1	0	0	1	3,055,500	1	2,910,000	5,965,500	
4		Lớp K4418-QTKD1	0	0	1	3,147,900	1	3,976,000	7,123,900	
5		Lớp K4528-QTKD1	5	22,937,200	0	0	0	0	22,937,200	
6		Lớp K4599-QTKD1	1	4,303,200	0	0	0	0	4,303,200	

TT	KHOA	LỚP	SLHB	TIỀN	SLHB	TIỀN	SLHB	TIỀN	TỔNG TIỀN	GHI CHÚ
			Xuất Sắc		Giỏi		Khá			
7	QUẢN TRỊ - NGÂN HÀNG	Lớp K4318-QTKD1	0	0	3	11,295,900	0	0	11,295,900	
8		Lớp K4699-TCNH1	0	0	1	4,449,900	0	0	4,449,900	
9		Lớp K4618-QTKD1	2	9,323,600	0	0	1	4,238,000	13,561,600	
10		Lớp K4628-QTKD1	2	9,323,600	3	13,349,700	3	12,714,000	35,387,300	
11		Lớp K4518-TNH1	3	12,909,600	0	0	0	0	12,909,600	
12		Lớp K4318-TCK	2	10,758,000	0	0	0	0	10,758,000	
13		Lớp K4418-TNH1	0	0	1	4,757,550	0	0	4,757,550	
14		Lớp K4628-TNH1	1	4,661,800	1	4,449,900	0	0	9,111,700	
15		Lớp K4618-TNH1	0	0	1	4,449,900	0	0	4,449,900	
16		Lớp K4648-QTKD1	0	0	1	4,449,900	1	4,238,000	8,687,900	
17		Lớp K4648-TNH1	1	4,661,800	0	0	0	0	4,661,800	
TỔNG			19	88,392,700	13	53,406,150	7	28,076,000	169,874,850	
1	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Lớp K4318-CNT2	3	16,405,400	3	15,290,100			31,695,500	
2		Lớp K4318-TKĐH	1	5,716,200					5,716,200	
3		Lớp K4418-CNT1	2	9,064,000					9,064,000	
4		Lớp K4418-CNT2	5	22,660,000					22,660,000	
5		Lớp K4418-TKĐH	1	5,438,400					5,438,400	
6		Lớp K4418-TKT	1	7,030,100					7,030,100	
7		Lớp K4518-CNT1	2	10,155,200	5	24,234,000			34,389,200	
8		Lớp K4518-CNT2			1	4,846,800			4,846,800	
9		Lớp K4518-CNT3	3	15,232,800	2	9,693,600			24,926,400	
10		Lớp K4528-CNT1	1	5,077,600	1	4,846,800			9,924,400	
11		Lớp K4528-CNT2	1	5,077,600	2	9,693,600			14,771,200	
12		Lớp K4599-CNT1			3	14,540,400			14,540,400	
13		Lớp K4599-CNT2	1	5,077,600	1	4,846,800			9,924,400	

TT	KHOA	LỚP	SLHB	TIỀN	SLHB	TIỀN	SLHB	TIỀN	TỔNG TIỀN	GHI CHÚ
			Xuất Sắc		Giỏi		Khá			
14	CNTTIN	Lớp K4618-CNTT1	2	9,904,400	7	32,625,600			42,530,000	
15		Lớp K4628-CNTT1	7	34,665,400	4	18,908,400			53,573,800	
16		Lớp K4699-CNTT1	1	5,411,700					5,411,700	
TỔNG			31	156,916,400	29	139,526,100			296,442,500	
1	ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	K4318-CNKT DDT 3	7	51,482,200					51,482,200	
2		K4318-CNKT DDT 1	1	6,899,200					6,899,200	
3		K4418-CNKT DDT 3	5	24,926,000					24,926,000	
4		K4418-CNKT DDT 1	1	4,991,800					4,991,800	
5		K4518-CNKT-DDT 2			2	10,932,600			10,932,600	
6		K4518-CNKT-DDT 3	4	21,414,800	2	10,563,000			31,977,800	
7		K4528-CNKT-DDT 1			1	5,466,300			5,466,300	
8		K4518-CNKT-DDT1	2	11,453,200	1	5,466,300			16,919,500	
9		K4628-CNKT-DDT 1					3	12,714,000	12,714,000	
10		K4618-CNKT-DDT 1			1	4,449,900	4	20,575,000	25,024,900	
TỔNG			20	121,167,200	7	36,878,100	7	33,289,000	191,334,300	
1	Ô TÔ	K4318CKO1			2	13,171,200			13,171,200	
2		K4318CKO2			5	32,928,000			32,928,000	
3		K4318CKO4			4	26,342,400			26,342,400	
4		K4418CKO2			2	9,277,800			9,277,800	
5		K4418CKO3			3	14,188,650			14,188,650	
6		K4418CKO4	3	14,846,700	6	28,096,950			42,943,650	
7		K4528CKO1	1	4,815,800	2	9,878,400			14,694,200	
8		K4518CKO1			1	4,939,200	1	4,704,000	9,643,200	
9		K4518CKO2			3	14,817,600	1	4,704,000	19,521,600	
10		K4518CKO3			3	14,817,600	2	9,408,000	24,225,600	

TT	KHOA	LỚP	SLHB	TIỀN	SLHB	TIỀN	SLHB	TIỀN	TỔNG TIỀN	GHI CHÚ
			Xuất Sắc		Giỏi		Khá			
11	Ô TÔ	K4518CKO4			1	4,939,200	3	14,112,000	19,051,200	
12		K4599CKO1					1	4,704,000	4,704,000	
13		K4618CKO1	4	18,647,200	6	26,699,400	2	8,476,000	53,822,600	
14		K4628CKO1	1	4,661,800	1	4,449,900	0		9,111,700	
15		K4699CKO1			1	4,449,900	0		4,449,900	
TỔNG			9	42,971,500	40	208,996,200	10	46,108,000	298,075,700	
TỔNG CỘNG			95	486,517,500	89	438,806,550	26	116,881,000	1,042,205,050	

Bảng chữ: (Một tỷ không trăm bốn mươi hai triệu hai trăm linh năm nghìn không trăm năm mươi đồng)

HIỆU TRƯỞNG




Nguyễn Đức Trí

PHÒNG TTGD&CTHSSV



Nguyễn Văn Long

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thu Hà



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC NHẬN TIỀN HỌC BỔNG
KỲ 2 (2022-2023)**

(Đính kèm theo Quyết định 209/QĐ-ĐHVH ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Việt-Hung

về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 2 năm học 2022-2023)

DVT: VND

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Số tín chỉ	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Xếp loại RL	XLHB	Tiền học bổng	Ghi chú
I	KHOA: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN									296,442,500	
Lớp K4318-CNT2										31,695,500	
1	1900748	Phạm Hồng Cảnh	13	3.77	8.71	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,533,000		
2	1900630	Bùi Quang Hà	13	3.77	8.55	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,533,000		
3	1900700	Nguyễn Tiến Dũng	13	3.62	8.51	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,339,400		
4	1900123	Lương Văn Lanh	13	3.5	8.18	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	5,096,700		
5	1900599	Phạm Tuấn Duy	13	3.38	8.06	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	5,096,700		
6	1900654	Vũ Tiến Hưng	13	3.35	8.08	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	5,096,700		
Lớp K4318-TKĐH										5,716,200	
1	1900250	Vũ Hương Mai	14	3.54	8.12	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	5,716,200		
Lớp K4418-CNT1										9,064,000	
1	2000746	Hồ Thân Long	10	3.9	9	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,532,000		
2	2000755	Quách Thị Thanh Xuân	10	3.9	9.2	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,532,000		
Lớp K4418-CNT2										22,660,000	
1	2000762	Đoàn Mạnh Cường	10	3.8	8.59	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,532,000		
2	2000707	Nguyễn Công Đoàn	10	3.8	8.66	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,532,000		
3	2000681	Tổng Thị Thảo Vân	10	3.8	8.69	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,532,000		

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Số tín chỉ	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Xếp loại RL	XLHB	Tiền học bổng	Ghi chú
4	2000298	Nguyễn Thanh	Minh	10	3.75	8.32	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,532,000	
5	2000827	Đào Quang	Huy	10	3.7	8.45	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,532,000	
Lớp K4418-TKĐH										5,438,400	
1	2000665	Bùi Ngọc	Mai	12	3.67	8.63	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,438,400	
Lớp K4418-TKT										7,030,100	
1	2000840	Đặng Thị Hồng	Nhung	17	3.82	8.74	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	7,030,100	
Lớp K4518-CNT1										34,389,200	
1	2100210	Lưu Trường	An	12	3.88	8.74	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,077,600	
2	2100269	Đỗ Thị Thùy	Linh	12	3.67	8.39	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,077,600	
3	2100453	Cát Xuân	Bắc	12	3.5	8.52	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,846,800	
4	2100270	Phạm Hữu	Huy	12	3.5	8.09	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,846,800	
5	2100630	Nguyễn Diệu	Linh	12	3.5	8.17	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,846,800	
6	2100385	Trần Văn	Mạnh	12	3.42	7.85	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,846,800	
7	2101129	Trần Thị Thùy	Trang	12	3.29	7.92	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	4,846,800	
Lớp K4518-CNT2										4,846,800	
1	2100601	Phạm Văn	Thế	12	3.46	7.92	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,846,800	
Lớp K4518-CNT3										24,926,400	
1	2101150	Lê Thành	Đạt	12	3.75	8.35	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,077,600	
2	2100277	Hoàng Văn	Toán	12	3.75	8.65	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,077,600	
3	2100965	Trần Tuấn	Đạt	12	3.67	8.43	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,077,600	
4	2100969	Nguyễn Tiến	Đạt	12	3.58	8.2	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,846,800	
5	2100996	Lê Phi	Hùng	12	3.46	8.1	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,846,800	
Lớp K4528-CNT1										9,924,400	
1	2100962	Hoàng Văn	Tùng	12	3.92	8.87	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,077,600	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Số tín chỉ	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Xếp loại RL	XLHB	Tiền học bổng	Ghi chú
2	2100253	Nguyễn Đình	Long	12	3.33	8.03	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	4,846,800	
Lớp K4528-CNT2										14,771,200	
1	2101128	Nguyễn Thu	Trang	12	3.79	8.58	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,077,600	
2	2100759	Lưu Thị Anh	Thu	12	3.42	8.11	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,846,800	
3	2100855	Tào Thị Khánh	Linh	12	3.38	7.97	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	4,846,800	
Lớp K4599-CNT1										14,540,400	
1	2101148	Nguyễn Mạnh	Quý	12	3.58	8.24	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,846,800	
2	2100595	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	12	3.54	8.14	Giỏi	Tốt	Mức học bổng Loại Giỏi	4,846,800	
3	2100183	Nguyễn Thành	Luân	12	3.42	8.15	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,846,800	
Lớp K4599-CNT2										9,924,400	
1	2101277	Trần Hữu	Hiếu	12	3.67	8.32	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,077,600	
2	2101224	Trần Thị Dạ	Thương	12	3.42	8.16	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,846,800	
Lớp K4618-CNTT1										42,530,000	
1	2200911	Mùa A	Giống	12	3.75	8.53	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,952,200	
2	2200398	Nguyễn Thị Xuân	Mai	12	3.75	8.9	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,952,200	
3	2200024	Trần Huy	Hoàng	12	4	9.1	Xuất sắc	Tốt	Mức Học bổng loại Giỏi	4,263,000	
4	2200401	Nguyễn Thị Mai	Linh	12	3.88	8.55	Xuất sắc	Tốt	Mức Học bổng loại Giỏi	4,727,100	
5	2200733	Nguyễn Trọng	Phúc	12	3.88	8.58	Xuất sắc	Tốt	Mức Học bổng loại Giỏi	4,727,100	
6	2200502	Lầu A	Xa	12	3.63	8.48	Xuất sắc	Tốt	Mức Học bổng loại Giỏi	4,727,100	
7	2200972	Võ Chí	Công	12	3.5	8.3	Giỏi	Tốt	Mức học bổng Loại Giỏi	4,727,100	
8	2200748	Chu Mai	Huệ	12	3.5	8.23	Giỏi	Tốt	Mức học bổng Loại Giỏi	4,727,100	
9	2200514	Chèo Tả	Mây	12	3.5	8.48	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,727,100	
Lớp K4628-CNTT1										53,573,800	
1	2200577	Nguyễn Xuân	Thắng	12	4	9.15	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,952,200	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Số tín chỉ	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Xếp loại RL	XLHB	Tiền học bổng	Ghi chú
2	2200683	Kiều Việt	Dũng	12	3.88	8.55	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,952,200	
3	2200065	Nguyễn Thị	Linh	12	3.75	8.85	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,952,200	
4	2200965	Hoàng Văn	Tiêu	12	3.75	8.75	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,952,200	
5	2200995	Nguyễn Sinh	Quyết	12	3.63	8.6	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,952,200	
6	2200349	Lương Hữu	Thịnh	12	3.63	8.45	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,952,200	
7	2200131	Nguyễn Văn	Tú	12	3.63	8.35	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,952,200	
8	2200441	Nguyễn Văn	Dũng	12	3.5	8.35	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,727,100	
9	2200830	Nguyễn Thị Thu	Huyền	12	3.5	8.2	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,727,100	
10	2200562	Hoàng Thị	Lương	12	3.5	8.58	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,727,100	
11	2201072	Đàm Quang	Phương	12	3.5	8.13	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,727,100	
Lớp K4699-CNTT1										5,411,700	
1	2200255	Nguyễn Thị Hồng	Nhã	14	3.39	8.07	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	5,411,700	
II	KHOA CƠ KHÍ &XÂY DỰNG									45,738,800	
Lớp K4418-CTM1										14,955,600	
1	2000463	Giàng A	Lau	11	3.82	8.77	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,985,200	
2	2000727	Lê Hồng	Lâm	11	3.73	8.55	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,985,200	
3	2000240	Lý Ly	Xuân	11	3.73	8.31	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,985,200	
Lớp K4318-CTM1										10,687,600	
1	1900351	Nguyễn Văn	Mạnh	13	3.92	8.98	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,343,800	
2	1900178	Lưu Thành	Chung	13	3.85	8.86	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,343,800	
Lớp K4318-CTM2										10,687,600	
1	1900580	Phùng Văn	Tiến	13	3.81	8.78	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,343,800	
2	1900196	Nguyễn Trọng	Thành	13	3.65	8.42	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,343,800	
Lớp K4528-CTM1										4,704,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Số tín chỉ	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Xếp loại RL	XLHB	Tiền học bổng	Ghi chú
1	2101012	Trần Đình	Phùng	12	2.96	7.35	Khá	Tốt	Mức học bổng loại Khá	4,704,000	
Lớp K4518-CTM1										4,704,000	
1	2100466	Phan Chí	Kiên	12	2.83	7.23	Khá	Tốt	Mức học bổng loại Khá	4,704,000	
III	KHOA ĐIỆN - ĐIỆN TỬ									191,334,300	
Lớp K4318-CNKT DDT 3										51,482,200	
1	1900080	Vũ Đức	Anh	17	3.71	8.85	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	7,354,600	
2	1900091	Hạng A	Lênh	17	3.74	8.99	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	7,354,600	
3	1900096	Lê Đình	Mạnh	17	3.85	9.16	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	7,354,600	
4	1900598	Lưu Việt	Thành	17	3.88	9.12	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	7,354,600	
5	1900719	Nguyễn Hữu	Trung	17	3.88	8.86	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	7,354,600	
6	1900040	Nguyễn Xuân	Lập	17	3.71	8.81	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	7,354,600	
7	1900238	Đình Mạnh	Tuấn	17	3.79	9.02	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	7,354,600	
Lớp K4318-CNKT DDT 1										6,899,200	
1	1900819	Giảng A	Tô	16	3.81	8.97	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	6,899,200	
Lớp K4418-CNKT DDT 3										24,926,000	
1	2000092	Bùi Thành	Doanh	11	4	9.18	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,985,200	
2	2000654	Phạm Văn	Đông	11	3.91	8.78	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,985,200	
3	2000451	Ngô Quang	Dương	11	4	8.93	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,985,200	
4	2000788	Trần Thị Thu	Hà	11	4	9.24	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,985,200	
5	2000787	Bùi Thị Thúy	Nga	11	4	8.98	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,985,200	
Lớp K4418-CNKT-DDT 1										4,991,800	
1	2000083	Lê Lưu	Tùng	11	4	9.14	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,991,800	
Lớp K4518-CNKT-DDT 2										10,932,600	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Số tín chỉ	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Xếp loại RL	XLHB	Tiền học bổng	Ghi chú
1	2100492	Đinh Thị Hoài	Ngữ	9	3.44	8.06	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	5,466,300	
2	2100979	Nguyễn Hương	Nhài	9	3.33	7.98	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	5,466,300	
Lớp K4518-CNKT-DDT 3										31,977,800	
1	2100879	Đào Xuân	Bình	11	3.77	8.79	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,622,200	
2	2100939	Mai Hải	Dương	11	3.77	8.58	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,622,200	
3	2100982	Quang Văn	Phú	9	3.28	7.96	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	5,466,300	
4	2100902	Phùng Xuân	Trường	13	3.38	8.04	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	5,096,700	
5	2101092	Trần Tấn	Đạt	11	3.68	8.43	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	6,443,800	
6	2101066	Nguyễn Văn	Hoàng	9	3.61	8.23	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,726,600	
Lớp K4528-CNKT-DDT 1										5,466,300	
1	2100766	Đặng Minh	Trung	9	3.44	8.17	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	5,466,300	
Lớp K4518-CNKT-DDT 1										16,919,500	
1	2100149	Trịnh Thị	Yến	9	3.89	8.79	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,726,600	
2	2100398	Ngô Văn	Hải	9	3.78	8.66	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,726,600	
3	2100273	Nguyễn Tiến	Tùng	9	3.33	8.06	Giỏi	Tốt	Mức học bổng loại Giỏi	5,466,300	
Lớp K4628-CNKT-DDT 1										12,714,000	
1	2200104	Nguyễn Thế	Bắc	12	2.66	7.05	Khá	Tốt	Mức học bổng loại Khá	4,238,000	
2	2200282	Tô Hiến	Luân	12	2.97	7.53	Khá	Xuất sắc	Mức học bổng loại Khá	4,238,000	
3	2200280	Trần Đức	Mạnh	12	3.06	7.38	Khá	Tốt	Mức học bổng loại Khá	4,238,000	
Lớp K4618-CNKT-DDT 1										25,024,900	
1	2200935	Phùng Đắc	Công	12	2.84	7.06	Khá	Tốt	Mức học bổng loại Khá	4,238,000	
2	2200361	Nguyễn Mạnh	Cường	12	3.34	7.85	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	4,449,900	
3	2200027	Lê Huỳnh	Đức	15	3	7.59	Khá	Xuất sắc	Mức học bổng loại Khá	7,033,000	
4	2201098	Vũ Văn	Ngọc	12	3.16	7.76	Khá	Xuất sắc	Mức học bổng loại Khá	4,238,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Số tín chỉ	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Xếp loại RL	XLHB	Tiền học bổng	Ghi chú
5	2200023	Đặng Quý Nhân	14	3.14	7.64	Khá	Xuất sắc	Mức học bổng loại Khá	5,066,000	
IV	KHOA KINH TẾ HỌC								40,738,900	
Lớp K4618-KT1									16,592,400	
1	2200002	Trương Thị Ngọc Huyền	15	3.8	8.81	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,379,000	
2	2200159	Vũ Thị Trang	11	3.75	8.48	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,661,800	
3	2200025	Kiều Thị Hương	16	3.72	8.45	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	6,551,600	
Lớp K4628-KT 1									9,323,600	
1	2200971	Mai Thị Kim Nhung	11	3.88	8.8	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,661,800	
2	2200274	Nguyễn Hoài Sương	11	3.75	8.63	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,661,800	
Lớp K4518-KT 1									11,980,500	
1	2100742	Nguyễn Anh Phương	11	4	9.25	Xuất sắc	Tốt	Mức Học bổng loại Giỏi	4,107,600	
2	2100967	Phan Thế Dương	11	3.91	8.83	Xuất sắc	Tốt	Mức Học bổng loại Giỏi	4,107,600	
3	2100842	Chu Yến Nhi	11	3.86	8.93	Xuất sắc	Tốt	Mức Học bổng loại Giỏi	3,765,300	
Lớp K4418-KT02									2,842,400	
1	2000259	Nguyễn Ánh Như	12	3.63	8.4	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	2,842,400	
V	KHOA QUẢN TRỊ - NGÂN HÀNG								169,874,850	
Lớp K4318-QTKD1									11,295,900	
1	1900619	Nguyễn Thị Tâm Quỳnh	11	3.32	7.7	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	3,765,300	
2	1900051	Nguyễn Thị Hồng Nhung	11	3.36	8.13	Giỏi	Tốt	Mức học bổng loại Giỏi	3,765,300	
3	1900938	Đinh Thị Phương Thảo	11	3.32	7.95	Giỏi	Tốt	Mức học bổng loại Giỏi	3,765,300	
Lớp K4418-QTKD1									7,123,900	
1	2000747	Phạm Mai Lan	15	3.25	7.73	Giỏi	Tốt	Mức học bổng loại Giỏi	3,147,900	
2	2000780	Phạm Hải Hằng	12	3.13	7.79	Khá	Xuất sắc	Mức học bổng loại Khá	3,976,000	
Lớp K4428-QTKD1									5,965,500	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Số tín chỉ	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Xếp loại RL	XLHB	Tiền học bổng	Ghi chú
1	2000369	Hoàng Thị	Thảo	12	3.17	7.9	Khá	Xuất sắc	Mức học bổng loại Khá	2,910,000	
2	2000412	Hà Thị	Thu	9	3.67	8.59	Xuất sắc	Tốt	Mức Học bổng loại Giỏi	3,055,500	
Lớp K4518-QTKD1										5,210,700	
1	2101199	Đặng Thùy	Anh	14	3.93	9.07	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,210,700	
Lớp K4599-QTKD1										4,303,200	
1	2100045	Bùi Thị Hồng	Duyên	11	3.73	8.75	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,303,200	
Lớp K4528-QTKD1										22,937,200	
1	2100681	Nguyễn Thị Lan	Anh	13	3.69	8.88	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,013,800	
2	2100828	Phạm Thị	Hạnh	11	3.91	8.82	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,303,200	
3	2101306	Nguyễn Thế	Long	13	3.85	9.11	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,013,800	
4	2100201	Bùi Thị	Quỳnh	11	3.73	8.65	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,303,200	
5	2100871	Bùi Chung	Sinh	11	3.73	8.57	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,303,200	
Lớp K4599-QTKD2										4,303,200	
1	2101156	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	11	3.73	8.45	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,303,200	
Lớp K4318-TCK										10,758,000	
1	1900501	Nguyễn Kiều	Yên	16	3.81	8.59	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,737,600	
2	1900702	Lương Kiều	Trang	14	3.79	8.64	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	5,020,400	
Lớp K4418-TNH1										4,757,550	
1	2000269	Trần Thị Mai	Anh	14	3.57	8.32	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,757,550	
Lớp K4618-TCNH										4,449,900	
1	2200474	Tạ Bích	Loan	12	3.5	8.15	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,449,900	
Lớp K4628-TCNH										9,111,700	
1	2200519	Nguyễn Phương	Nguyễn	12	3.25	7.88	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	4,449,900	
2	2200941	Trần Thị	Thắm	12	3.75	8.75	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,661,800	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Số tín chỉ	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Xếp loại RL	XLHB	Tiền học bổng	Ghi chú
Lớp K4648-TCNH									4,661,800	
1	2201031	Nguyễn Thảo Linh	12	3.63	8.53	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,661,800	
Lớp K4648-QTKD									8,687,900	
1	2200849	Vũ Thị Hiền	12	3.13	7.57	Khá	Tốt	Mức học bổng loại Khá	4,238,000	
2	2200894	Trần Mai Anh	12	3.63	8.25	Xuất sắc	Tốt	Mức Học bổng loại Giỏi	4,449,900	
Lớp K4628-QTKD									35,387,300	
1	2200209	Nguyễn Khánh Linh	12	3.88	9.23	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,661,800	
2	2200391	Trần Thị Châm	12	3.5	8.18	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,449,900	
3	2200980	Đỗ Thị Ngọc Lan	12	3.5	8.48	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,449,900	
4	2201074	Nguyễn Thị Xoa	12	3.38	8.2	Giỏi	Tốt	Mức học bổng loại Giỏi	4,449,900	
5	2200505	Đào Thị Mai Hương	12	3.13	7.63	Khá	Tốt	Mức học bổng loại Khá	4,238,000	
6	2200132	Nguyễn Văn Minh	12	3	7.63	Khá	Tốt	Mức học bổng loại Khá	4,238,000	
7	2200610	Tổng Thị Kim Anh	12	3.63	8.63	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,661,800	
8	2200397	Lương Xuân Hiệu	12	3.13	7.58	Khá	Xuất sắc	Mức học bổng loại Khá	4,238,000	
Lớp K4618-QTKD									13,561,600	
1	2200464	Bùi Diệu Thúy	12	3.13	7.88	Khá	Xuất sắc	Mức học bổng loại Khá	4,238,000	
2	2200793	Vùi Thị Hân	12	3.88	8.83	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,661,800	
3	2200614	Nguyễn Thanh Hải	12	3.88	9	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,661,800	
Lớp K4699-TCNH1									4,449,900	
1	2200382	Nguyễn Nhật Huy	12	3.25	7.88	Giỏi	Tốt	Mức học bổng loại Giỏi	4,449,900	
Lớp K4518-TNH1									12,909,600	
1	2100922	Khúc Văn Hòa	11	3.68	8.65	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,303,200	
2	2101345	Đỗ Thị Ngọc Lan	11	4	9.5	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,303,200	
3	2101119	Đinh Thị Trà My	11	4	9.01	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,303,200	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Số tin chỉ	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Xếp loại RL	XLHB	Tiền học bổng	Ghi chú
VI	KHOA Ô TÔ									298,075,700	
K4618 CKO1										53,822,600	
1	2201224	Tỉnh Duy	Hoàng	12	3.88	9	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,661,800	
2	2200074	Đặng Quốc	Huy	12	3.88	8.63	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,661,800	
3	2200116	Đào Văn	Minh	12	3.88	8.75	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,661,800	
4	2200526	Đỗ Minh	Tuấn	12	3.88	9.18	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,661,800	
5	2200238	Đỗ Hồng	Đăng	12	3.5	8.15	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,449,900	
6	2201023	Trần Quang	Huy	12	3.5	8.08	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,449,900	
7	2200044	Mùa A	Quang	12	3.5	8.28	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,449,900	
8	2200345	Nguyễn Văn	Hiện	12	3.38	8.3	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	4,449,900	
9	2200660	Phạm Quốc	Việt	12	3.38	7.95	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	4,449,900	
10	2200088	Hà Quốc	Bình	12	3.25	7.95	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	4,449,900	
11	2200531	Nguyễn Đại	Dương	12	3.13	7.78	Khá	Xuất sắc	Mức học bổng loại Khá	4,238,000	
12	2200106	Phạm Văn	Kha	12	3.13	7.8	Khá	Xuất sắc	Mức học bổng loại Khá	4,238,000	
K4628 CKO1										9,111,700	
1	2200620	Nguyễn Thị An	Khang	12	3.63	8.43	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,661,800	
2	2200100	Nguyễn Thành	Lợi	12	3.25	7.63	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	4,449,900	
K4699 CKO1										4,449,900	
1	2200946	Nguyễn Lâm	Trưởng	12	3.25	7.88	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	4,449,900	
K4518 CKO1										9,643,200	
1	2101250	Trương Văn	Hà	12	3.22	7.91	Giỏi	Tốt	Mức học bổng loại Giỏi	4,939,200	
2	2100686	Nguyễn Thái	An	12	3.11	7.42	Khá	Xuất sắc	Mức học bổng loại Khá	4,704,000	
K4518 CKO2										19,521,600	
1	2100086	Nguyễn Văn	Dũng	9	3.44	7.93	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,939,200	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Số tín chỉ	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Xếp loại RL	XLHB	Tiền học bổng	Ghi chú
2	2100124	Nguyễn Văn	Mạnh	9	3.44	8.02	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,939,200	
3	2100258	Trần Văn	Toàn	9	3.22	7.52	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	4,939,200	
4	2100809	Lê Duy	Nghĩa	9	3.11	7.59	Khá	Xuất sắc	Mức học bổng loại Khá	4,704,000	
K4518 CKO3										24,225,600	
1	2100377	Nguyễn Duy	Hưng	9	3.33	7.9	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	4,939,200	
2	2100380	Lương Minh	Thào	9	3.28	7.68	Giỏi	Tốt	Mức học bổng loại Giỏi	4,939,200	
3	2100431	Hoàng Văn	Chánh	9	3.22	7.73	Giỏi	Tốt	Mức học bổng loại Giỏi	4,939,200	
4	2100447	Nguyễn Huy	Hoàng	9	3.11	7.4	Khá	Xuất sắc	Mức học bổng loại Khá	4,704,000	
5	2100449	Trần Minh	Nghĩa	9	3.11	7.34	Khá	Tốt	Mức học bổng loại Khá	4,704,000	
K4518 CKO4										19,051,200	
1	2100913	Nguyễn Duy	Đô	9	3.56	8.42	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,939,200	
2	2101270	Lương Quang	Vinh	9	3.17	7.66	Khá	Xuất sắc	Mức học bổng loại Khá	4,704,000	
3	2101171	Trương Nhật	Thái	9	3.11	7.37	Khá	Xuất sắc	Mức học bổng loại Khá	4,704,000	
4	2101097	Bùi Ngọc	Thế	9	3.11	7.48	Khá	Xuất sắc	Mức học bổng loại Khá	4,704,000	
K4528 CKO1										14,694,200	
1	2100088	Nguyễn Văn	Tài	9	3.63	8.45	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,815,800	
2	2100830	Triệu Quang	Tiền	9	3.56	8.37	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,939,200	
3	2100527	Lưu Đức	Mạnh	9	3.22	7.47	Giỏi	Tốt	Mức học bổng loại Giỏi	4,939,200	
K4599 CKO1										4,704,000	
1	2100102	Nguyễn Mạnh	Cường	9	3.17	7.63	Khá	Tốt	Mức học bổng loại Khá	4,704,000	
K4418 CKO2										9,277,800	
1	2000642	Lê Văn	Hiệp	12	3.5	8.12	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,638,900	
2	2000749	Nguyễn Văn	Thắng	12	3.5	8.13	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,638,900	
K4418 CKO3										14,188,650	



TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Số tín chỉ	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Xếp loại RL	XLHB	Tiền học bổng	Ghi chú
1	2000428	Đinh Văn	Anh	12	3.58	8.2	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,732,350	
2	2000155	Phùng Thế	Tài	12	3.42	8.23	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,723,950	
3	2000363	Nguyễn Đình	Hải	12	3.38	7.98	Giỏi	Tốt	Mức học bổng loại Giỏi	4,732,350	
K4418 CKO4										42,943,650	
1	2000883	Ngô Hồng	Toàn	12	3.75	8.87	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,948,900	
2	2000777	Khương Thanh	Trung	12	3.67	8.43	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,948,900	
3	2000729	Dương Đức	Xuân	12	3.67	8.62	Xuất sắc	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc	4,948,900	
4	2000901	Quách Bảo	Lâm	12	3.54	8.03	Giỏi	Tốt	Mức học bổng Loại Giỏi	4,723,950	
5	2000761	Phạm Tiến	Đạt	12	3.5	8.29	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,723,950	
6	2000446	Nguyễn Xuân	Bắc	12	3.46	8.12	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	4,638,900	
7	2000512	Trần Đình	Trọng	12	3.46	7.99	Giỏi	Tốt	Mức học bổng Loại Giỏi	4,638,900	
8	2000498	Ngô Đức	Mạnh	12	3.42	8.08	Giỏi	Tốt	Mức học bổng Loại Giỏi	4,638,900	
9	2000702	Bùi Nhật	Minh	12	3.38	7.94	Giỏi	Tốt	Mức học bổng loại Giỏi	4,732,350	
K4318 CKO1										13,171,200	
1	1900242	Hoàng Thị Huyền	Trang	16	3.47	8.06	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	6,585,600	
2	1900530	Nguyễn Duy	Sang	16	3.28	7.84	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	6,585,600	
K4318 CKO2										32,928,000	
1	1900572	Lê Xuân	Linh	16	3.59	8.23	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng Loại Giỏi	6,585,600	
2	1900050	Đoàn Mạnh	Hùng	16	3.44	8.13	Giỏi	Tốt	Mức học bổng Loại Giỏi	6,585,600	
3	1900149	Nguyễn Huy	Công	16	3.38	8.04	Giỏi	Tốt	Mức học bổng loại Giỏi	6,585,600	
4	1900308	Trần Như	Hải	16	3.31	7.81	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	6,585,600	
5	1900228	Hoàng Văn	Thiện	16	3.31	8.04	Giỏi	Tốt	Mức học bổng loại Giỏi	6,585,600	
K4318 CKO4										26,342,400	
1	1900816	Hoàng Văn	Sơn	16	3.53	8.11	Giỏi	Tốt	Mức học bổng Loại Giỏi	6,585,600	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Số tín chỉ	Điểm TB hệ 4	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Xếp loại RL	XLHB	Tiền học bổng	Ghi chú
2	1900279	Phạm Văn	Lương	16	3.38	7.89	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	6,585,600	
3	1900494	Nguyễn Trọng	An	16	3.31	7.7	Giỏi	Xuất sắc	Mức học bổng loại Giỏi	6,585,600	
4	1900286	Vũ Đức	Dương	16	3.31	7.89	Giỏi	Tốt	Mức học bổng loại Giỏi	6,585,600	
TỔNG CỘNG: (I+II+III+IV+V+VI)										1,042,205,050	

Bảng chữ: (Một tỷ không trăm bốn mươi hai triệu hai trăm linh năm nghìn không trăm năm mươi đồng chẵn)

HIỆU TRƯỞNG



[Handwritten signature in blue ink]

Nguyễn Đức Trí

PHÒNG TTGD&CTHSSV

[Handwritten signature in blue ink]

Nguyễn Văn Long

NGƯỜI LẬP BIỂU

[Handwritten signature in blue ink]

Nguyễn Thị Thu Hà